

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 3 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly
hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt.
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1987.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Thùy L, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ cư trú: Số X, ấp Y, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

Anh Nguyễn Minh S có mặt tại phiên tòa, chị Võ Thị Thùy L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Minh S trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh S và chị Võ Thị Thùy L kết hôn năm 2008 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 28/3/2011. Hôn nhân giữa anh S và chị L được xây dựng trên cơ sở thông qua mai mối và kết hôn.

Trong khoảng thời gian sống chung, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, chị L không quan tâm chăm sóc chồng con và gia đình. Có lúc chị L bỏ nhà đi một thời gian không rõ lý do sau đó lại trở về nhà, anh S có hỏi chị L đi đâu, làm gì thì chị L không nói. Anh S, chị L thường xuyên cãi nhau từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, anh S và chị L bắt đầu ly thân từ tháng 09 năm 2019 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân anh S và chị L có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay anh Nguyễn Minh S yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Thùy L.

Về con chung: Anh S và chị L có 03 con chung là Nguyễn Chí B, sinh ngày 08/5/2009; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/10/2011 và Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày 06/01/2016 (Hiện nay, con chung đang sống chung với anh S). Anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Võ Thị Thùy L không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

Đơn khởi kiện ngày 19/11/2021 (Bản chính), Giấy chứng minh nhân dân của anh Nguyễn Minh S (Bản sao chứng thực), Sổ hộ khẩu của anh Nguyễn Minh S (Bản sao chứng thực), Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính), Trích lục khai sinh của Nguyễn Vĩnh T (Bản sao), Trích lục khai sinh của Nguyễn Thị Tuyết N (Bản sao), Giấy khai sinh của Nguyễn Chí B (Bản sao chứng thực), Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện ngày 22/11/2021 (Bản chính), Bản khai của anh Nguyễn Minh S ngày 25/12/2021, Bản khai của Nguyễn Tuyết N (Bản chính), Bản khai của Nguyễn Chí B (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Võ Thị Thùy L cư trú tại ấp 3, xã B, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Võ Thị Thùy L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh S yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Thùy L.

Xét thấy, anh S và chị L kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 28/3/2011, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Ngoài ra, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 09 năm 2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, anh S xác định, anh S và chị L không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh S và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Nguyễn Minh S yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Thùy L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh S yêu cầu được nuôi 03 con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 08/5/2009; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/10/2011 và Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày 06/01/2016.

Xét thấy, hiện nay anh S đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Chí B; Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Vĩnh T. Ngoài ra, anh S xác định, anh S có việc làm ổn định, có thu nhập đảm B cho việc nuôi con. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm B cho các cháu Nguyễn Chí B; Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Vĩnh T phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao các cháu Nguyễn Chí B; Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Vĩnh T cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, anh S yêu cầu nuôi 03 con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 08/5/2009; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/10/2011 và Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày 06/01/2016 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Minh S không yêu cầu chị Võ Thị Thùy L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Minh S xác định là không có, không yêu cầu giải quyết; chị L không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Minh S phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh S.

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Minh S được ly hôn với chị Võ Thị Thùy L.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 08/5/2009; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/10/2011 và Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày 06/01/2016 cho anh Nguyễn Minh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị Võ Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh S không yêu cầu.

Anh S và chị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Minh S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001316 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Anh Nguyễn Minh S đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung